TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17/4/2025
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Hà Huy Phong.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Nguyễn Thị Ly và ông Võ Thanh Nhàn.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Tiểu Ngọc, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 125/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2025 tranh chấp "hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đặng Văn L, sinh năm 1995; nơi cư trú: số A, ấp S, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1992; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đặng Văn L trình bày: Anh L quen biết với chị T, cả hai cùng tìm hiểu, tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định vào ngày 07/02/2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang, cả hai sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do không tôn trọng, bất đồng quan điểm thường xuyên cự cãi không thể hàn gắn, sống ly thân cho đến nay. Nay thấy tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin ly hôn với chị T.

Về con chung: có 01 con chung tên Đặng Gia K, sinh ngày 25/12/2018; hiện nay con chung đang sống với chị T. Sau khi ly hôn, anh L đồng ý để chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K, anh L không cấp dưỡng cho con.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Tờ tự khai và đơn khởi kiện ngày 13/02/2025; trích lục kết hôn số 52 ngày 07/02/2017; trích lục khai sinh con chun g (bản sao).

Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Bích T cung cấp Tờ tự khai không đề ngày tháng năm trình bày ý kiến, về hôn nhân: Anh L xin ly hôn chị đồng ý; về con chung: Chị T xác định, vợ chồng có 01 con chung Đặng Gia K, sinh ngày 25/12/2018 hiện nay sống chung với chị. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải để động viên anh L, chị T xóa bỏ bất đồng quan điểm, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị T; chị T có lời khai đồng ý ly hôn và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con; nhưng tại phiên hòa giải một trong các bên vắng, không thể ghi nhận hòa giải thành. Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định.

Tại phiên tòa, anh L có đơn xin vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với chị T; về con chung, anh L đồng ý để chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; anh L không cấp dưỡng nuôi con. Chị T cũng có đơn vắng mặt, giữ ý kiến đã trình bày nên không tiến hành ghi nhận sự thuận tình ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án như sau:

- *Về tố tụng:* Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Ý kiến giải quyết vụ án:* anh L và chị T tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 07/02/2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên G thuộc trường hợp hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, không còn chung sống với nhau cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn anh L yêu cầu ly hôn với chị T.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T cung cấp cho Tòa án Tờ tự khai không đề ngày tháng năm đồng ý ly hôn với anh L nhưng một trong các bên vắng mặt tại các phiên hòa giải. Vì vậy, Tòa án không thể ghi nhận hòa giải thành; cả anh L, chị T

đều xác định không còn tình cảm với nhau nên mục đích hôn nhân không đạt, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L đối với chị T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đặng Gia K, sinh ngày 25/12/2018, hiện đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, anh L đồng ý để chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K, anh L không cấp dưỡng nuôi con. Đánh giá kể từ thời điểm vợ chồng ly thân, con chung sống cùng với chị T phát triển ổn định về thể chất, tinh thần nên giao cháu cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề xuất:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đặng Văn L đối với chị Nguyễn Thị Bích T.

- Giao con chung Đặng Gia K, sinh ngày 25/12/2018 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Anh Đặng Văn L khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Bích T được xác định là tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện C, tỉnh An Giang. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Trước khi phiên tòa được mở chị Nguyễn Thị Bích T có ý kiến xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Về tính hợp pháp: Anh L và chị T tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định vào ngày 07/02/2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang thuộc trường hợp hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận, bảo vệ.

[2.2] Về tình trạng hôn nhân: Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2022 thì bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày thường xuyên cự cãi, không tìm được tiếng nói chung, phát sinh nhiều mâu thuẫn và ly thân cho đến nay;

Quá trình giải quyết vụ án, chị T có lời khai đồng ý ly hôn, nhưng do một trong các bên đương sự vắng mặt tại phiên hòa giải nên không thể ghi nhận hòa giải thành. Anh L và chị T đều xác định không còn tình cảm với nhau nên mục đích hôn nhân không đạt, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L đối với chị T.

[3] Về con chung: vợ chồng có 01 con chung Đặng Gia K, sinh ngày 25/12/2018. Sau khi ly hôn, anh L đồng ý cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; Xét thấy, thời gian sống cùng chị T, cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Mặt khác, anh L không tranh chấp việc nuôi con nên cần ổn định cuộc sống của cháu, tiếp tục giao cháu K cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên không đề cập;

[5] Về án phí: Anh L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự. Chị T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 3, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các điểm g, h khoản 1 Điều 40, Điều 144, 147, 227, 228, 235, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Văn L.

1.1 Về hôn nhân: Anh Đặng Văn L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bích T.

1.2 Về con chung: Giao 01 con chung tên con chung Đặng Gia K, sinh ngày 25/12/2018 cho chị Nguyễn Thị Bích T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động. Anh Đặng Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Bích T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Đặng Văn L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đặng Gia K, sinh ngày 25/12/2018.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

2. Về tài sản chung: Anh Đặng Văn L, chị Nguyễn Thị Bích T xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

3. Về nợ chung: Anh Đặng Văn L, chị Nguyễn Thị Bích T không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đề cập.

Ghi nhận anh L và chị T xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh L và chị T trong thời kỳ hôn nhân thì ông, bà phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

4. Về án phí:

Anh Đặng Văn L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024080 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 13/02/2025; anh Đặng Văn L đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị Bích T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Huy Phong